

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Văn Tám.

+ Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104B/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần X, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Q, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần X trình bày: Bà và ông Lê Q kết hôn với nhau năm 2001, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và hai bên tách ra sống riêng và ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Lê Q không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên tách ra sống riêng và đã ly thân từ thời điểm đó.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Q.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Lê Q có 01 con chung tên Lê C, sinh ngày 15/12/2002, hiện đang sinh sống cùng ông Lê Q. Bà đồng ý giao con chung cho ông Lê Q nuôi, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần X yêu cầu Tòa án không giải quyết tài sản chung.

* Đối với bị đơn Lê Q đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trần X và ông Lê Q là quan hệ vợ chồng, giao con chung cho ông Lê Q nuôi dưỡng, bà Trần X không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần X cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 22/7/2020; bản sao Giấy khai sinh con chung; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Trần X; bản sao Sổ HKTT của Trần X; Bản khai của con chung. Bị đơn Lê Q cung cấp tài liệu, chứng cứ: không có. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Trần X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Lê Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Lê Q đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần X và ông Lê Q tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2007 phát

sinh mâu thuẫn nên đã ly thân nhau đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp nhau, ông Lê Q không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần X yêu cầu được chấm dứt quan hệ sống chung với ông với ông Lê Q.

Xét thấy, quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà Trần X và ông Lê Q xác lập từ năm 2001, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy quan hệ sống chung của hai bên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trần X và ông Lê Q là vợ chồng.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Trần X và ông Lê Q có 01 con chung tên Lê C, sinh ngày 15/12/2002. Bà Trần X tự nguyện giao con chung cho ông Lê Q nuôi sau khi chấm dứt quan hệ sống chung, bà Trần X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự tự nguyện của bà Trần X không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần X yêu cầu Tòa án không giải quyết tài sản chung.

[5]. Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Trần X phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần X và ông Lê Q
2. Giao con chung tên Lê C, sinh ngày 15/12/2002 cho ông Lê Q nuôi. Bà Trần X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần X phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Trần X đã nộp (biên lai thu số 0000787 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần X và ông Lê Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy